



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1226/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Phê duyệt Đề án “Khuyến khích xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, phát triển ứng dụng mật mã dân sự giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035”

HÒA TỘC

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Cơ yếu ngày 26 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 56-NQ/TW ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Khuyến khích xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, phát triển ứng dụng mật mã dân sự giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035” kèm theo Quyết định này.

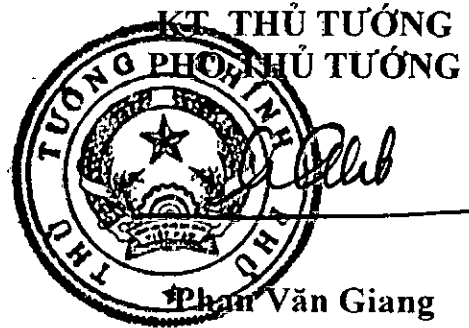
**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội an ninh mạng quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg và các PTTg, các Vụ, Cục: TH, NC, PL, KGVX, CTTCP;
- Lưu: VT, CDS (2)<sub>15</sub>





## ĐỀ ÁN

**Khuyến khích xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, phát triển ứng dụng  
mật mã dân sự giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035**  
(Kèm theo Quyết định số 1226/QĐ-TTg  
ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

### I. QUAN ĐIỂM

1. Xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng mật mã dân sự là xu thế tất yếu nhằm huy động tối đa nguồn lực xã hội tham gia phát triển công nghệ mật mã, góp phần nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và giữ vững chủ quyền số quốc gia; hình thành và phát triển hệ sinh thái nghiên cứu - phát triển - sản xuất - thương mại hóa sản phẩm mật mã dân sự; xây dựng và tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển và ứng dụng công nghệ mật mã.

2. Phát triển mật mã dân sự phải gắn với mục tiêu làm chủ công nghệ, nâng cao năng lực tự chủ, tự cường về khoa học và công nghệ; nghiên cứu, thiết kế các thuật toán mật mã dùng riêng cho nội địa, chuẩn hóa thuật toán và định hướng ứng dụng rộng rãi, tiến tới xuất khẩu các giải pháp bảo mật "Make in Vietnam"; phát triển sản phẩm mật mã dân sự theo hướng ưu tiên phát triển sản phẩm mật mã "Make in Vietnam" đảm bảo tương thích, hài hòa và hội nhập quốc tế, từng bước giảm phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường.

3. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo phát triển, định hướng chiến lược và hoàn thiện thể chế bằng việc ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng mật mã dân sự; đồng thời tăng cường quản lý nhà nước theo quy định pháp luật, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng mật mã dân sự phải bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển và quản lý; bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, phù hợp với yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước và an ninh quốc gia. Kết hợp chặt chẽ giữa mở rộng xã hội hóa và kiểm soát chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá, thử nghiệm và chứng nhận an toàn sản phẩm mật mã dân sự trước khi đưa vào sử dụng trong các hệ thống thông tin quan trọng.

4. Ban Cơ yếu Chính phủ là cơ quan mật mã quốc gia, thực hiện chức năng thống nhất quản lý nhà nước về mật mã, giữ vai trò định hướng và thúc đẩy xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng mật mã dân sự thông qua việc xây dựng và ban hành khung pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cơ chế quản lý và cấp phép, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia các hoạt động trong lĩnh vực mật mã dân sự, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ các yếu tố liên quan đến an ninh, an toàn thông tin quốc gia.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng mật mã dân sự; huy động hiệu quả nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo tham gia phát triển công nghệ mật mã; từng bước làm chủ một số công nghệ mật mã cốt lõi; hình thành hệ sinh thái mật mã dân sự “Make in Vietnam” có năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và góp phần giữ vững chủ quyền số quốc gia.

### 2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cải cách thủ tục hành chính liên quan đến mật mã dân sự tạo môi trường kinh doanh thuận lợi nhằm kích cầu hoạt động nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa sản phẩm mật mã dân sự.

b) Từng bước làm chủ một số công nghệ mật mã cốt lõi, bao gồm thuật toán, giải pháp, hệ thống quản lý khóa và các thành phần bảo mật nền tảng. Tăng tỷ lệ sản phẩm mật mã dân sự do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước nghiên cứu, thiết kế và làm chủ công nghệ. Hình thành đội ngũ nhân sự có trình độ cao trong lĩnh vực mật mã dân sự, đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn. Ưu tiên phát triển các sản phẩm mật mã “Make in Vietnam” đáp ứng yêu cầu sử dụng trong các hệ thống thông tin quan trọng, giảm dần phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài.

c) Tăng số lượng và nâng cao năng lực của doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia nghiên cứu, phát triển và cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự. Thiết lập và vận hành hiệu quả cơ chế liên kết Nhà nước - Nhà trường (Viện nghiên cứu) - Doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm.

d) Mở rộng ứng dụng sản phẩm mật mã dân sự nội địa trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các hệ thống thông tin quan trọng. Tăng trưởng ổn định thị trường sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam. Tham gia đóng góp, đề xuất hoặc đồng chủ trì xây dựng tối thiểu 01 tiêu chuẩn, khuyến nghị kỹ thuật quốc tế liên quan đến mật mã dân sự.

đ) Bảo đảm mọi hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực mật mã dân sự được thực hiện dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước; tuân thủ quy định pháp luật và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh quốc gia. Tăng cường năng lực quản lý, kiểm định, thử nghiệm, đánh giá và chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự.

e) Phân đầu đến năm 2030:

- Tỷ lệ sản phẩm mật mã dân sự nội địa được sử dụng trong các hệ thống thông tin quan trọng đạt tối thiểu 20 - 30% vào năm 2030;

- Tối thiểu 50 - 70 sản phẩm mật mã dân sự "Make in Vietnam" được nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa;

- Hình thành 10 - 15 doanh nghiệp có năng lực cung cấp sản phẩm, giải pháp mật mã dân sự cung cấp cho thị trường;

- Tỷ lệ giảm phụ thuộc vào sản phẩm, công nghệ mật mã nhập khẩu trong một số lĩnh vực trọng điểm đạt 20 - 30%;

- Tối thiểu 03 - 05 phòng thử nghiệm đạt chuẩn quốc gia, từng bước tiệm cận chuẩn quốc tế.

### 3. Định hướng đến năm 2035

Đào tạo và phát triển ít nhất 5.000 chuyên gia, kỹ sư chất lượng cao chuyên sâu về mật mã, an toàn thông tin và vi mạch mật mã. Có ít nhất 20% nhân sự trong ngành sở hữu các chứng chỉ bảo mật và mật mã được công nhận toàn cầu (như CISSP, CISM, hoặc các chứng chỉ chuyên sâu về bảo mật, an toàn thông tin). Đưa chuyên ngành bảo mật, an toàn thông tin vào giảng dạy chính thức tại các trường đại học kỹ thuật trọng điểm. Hình thành ít nhất 3-5 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về nghiên cứu mật mã ứng dụng và mật mã hậu lượng tử (PQC).

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

#### 1. Hoàn thiện hành lang pháp lý, đẩy mạnh triển khai cơ chế, chính sách

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về mật mã dân sự đảm bảo đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, trong đó tập trung xây dựng Nghị định quy định về hoạt động mật mã dân sự; hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực mật mã dân sự.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy trình chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp; cấp chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp; tiếp nhận, công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.

c) Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển sản phẩm mật mã dân sự trong nước.

d) Phê duyệt, công bố danh sách các tổ chức nước ngoài được thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp; chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.

#### 2. Phát triển năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi

a) Tổ chức triển khai các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển trọng điểm: thuật toán và giao thức mật mã; hệ thống quản lý khóa và hạ tầng khóa công khai; mô-đun phần cứng bảo mật và thành phần bảo mật nền tảng; các công nghệ mật mã thế hệ mới (PQC, QKD) theo định hướng phát triển dài hạn.

b) Thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển.

c) Tham gia hoặc đề xuất Việt Nam tham gia các thỏa thuận quốc tế về thừa nhận, công nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự và trao đổi hợp tác quốc tế về mật mã dân sự.

#### 3. Tổ chức, xây dựng hạ tầng thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp

a) Thúc đẩy xã hội hóa mạng lưới phòng thử nghiệm đủ năng lực thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với sản phẩm mật mã dân sự; có cơ chế liên thông và công nhận kết quả thử nghiệm.

b) Đầu tư, xây dựng phòng thử nghiệm dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng sản phẩm mật mã, thử nghiệm chuyên sâu, kiểm định, giám định, đối chứng kết quả; cơ sở dữ liệu tập trung về kết quả thử nghiệm phục vụ quản lý, giám sát và liên thông chứng nhận, cấp phép.

c) Xây dựng, công bố bộ tiêu chí đánh giá theo từng nhóm sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; tài liệu hướng dẫn áp dụng thống nhất; cơ chế rà soát, cập nhật định kỳ; quy trình tích hợp, liên thông kết quả thử nghiệm với hoạt động chứng nhận, cấp phép theo nguyên tắc một lần đánh giá, sử dụng cho nhiều mục đích quản lý; quy trình đánh giá, cấp chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.

4. Phát triển thị trường và thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm mật mã dân sự “Make in Vietnam”

a) Thiết lập và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) ứng dụng mật mã dân sự theo ngành, lĩnh vực; công bố danh mục bài toán thực tiễn để doanh nghiệp tham gia (danh mục bài toán, nhu cầu ứng dụng, báo cáo kết quả, phương án nhân rộng).

b) Đẩy mạnh sử dụng sản phẩm mật mã dân sự nội địa đã được kiểm định, đánh giá đạt yêu cầu trong các hệ thống thông tin quan trọng (lộ trình bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn mật mã quốc gia do Ban Cơ yếu Chính phủ nghiên cứu, phát triển, làm chủ; tích hợp vào sản phẩm mật mã dân sự nội địa trong các hệ thống thông tin trọng yếu...).

c) Hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chuẩn hóa sản phẩm, hoàn thiện tài liệu kỹ thuật và xúc tiến thương mại; thúc đẩy chuyển giao công nghệ sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

5. Phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái

a) Xây dựng, ban hành các chương trình khung, tài liệu, giáo trình bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu về mật mã dân sự.

b) Xây dựng mạng lưới chuyên gia, nhóm nghiên cứu liên ngành; vận hành có hiệu quả tam giác chiến lược Nhà nước - Nhà trường (Viện nghiên cứu) - Doanh nghiệp trong việc định hướng, nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát triển sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

6. Truyền thông, phổ biến chính sách, nâng cao nhận thức và sơ kết, tổng kết.

Tổ chức phổ biến, quán triệt các cơ chế, chính sách của Đề án tới các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp thông qua các hội nghị, hội thảo, chương trình tập huấn chuyên đề; lồng ghép nội dung truyền thông về mật mã dân sự trong các chương trình chuyển đổi số quốc gia, an toàn thông tin và phát triển công nghiệp công nghệ số.

## 7. Bảo đảm nguồn lực triển khai Đề án

Nguồn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật; nguồn của các doanh nghiệp, tổ chức và các nguồn hợp pháp khác theo quy định. Trong đó, nguồn lực xã hội là quyết định, nguồn ngân sách nhà nước (nếu có) đóng vai trò hỗ trợ đối với các nhiệm vụ nền tảng, có tính dẫn dắt.

(Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục kèm theo).

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ)

Ban Cơ yếu Chính phủ là cơ quan chủ trì giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tổ chức triển khai Đề án, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trong phạm vi cả nước. Việc triển khai Đề án đặt dưới sự chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tổ chức, lực lượng và nguồn lực bảo đảm.

Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai Đề án theo từng giai đoạn và hằng năm đảm bảo khả thi, hiệu quả.

b) Rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới chính sách, pháp luật về mật mã dân sự.

c) Rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về mật mã dân sự; hướng dẫn kỹ thuật phục vụ đánh giá sản phẩm mật mã dân sự.

d) Chủ trì, đầu tư, xây dựng phòng thử nghiệm dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng sản phẩm mật mã, thử nghiệm chuyên sâu, kiểm định, giám định, đối chứng kết quả; cơ sở dữ liệu tập trung về kết quả thử nghiệm phục vụ quản lý, giám sát và liên thông chứng nhận, cấp phép.

đ) Đẩy mạnh hoạt động quản lý chất lượng, đánh giá, hậu kiểm đối với sản phẩm mật mã dân sự; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc triển khai các hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực mật mã dân sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật và yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia.

e) Chủ trì tổng hợp tình hình triển khai Đề án; định kỳ hằng năm và giữa kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc phát sinh và đề xuất giải pháp điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết.

## 2. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mật mã dân sự; hỗ trợ công tác tiêu chuẩn hóa, thử nghiệm và đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm mật mã dân sự; phối hợp lồng ghép các nhiệm vụ của Đề án với các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; hỗ trợ hoạt động đăng ký sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

b) Chủ trì, đề xuất phương án dự toán chi ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ, dự án phù hợp với ngành, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để triển khai Đề án theo pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và pháp luật liên quan, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ tổ chức triển khai các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển trọng điểm: thuật toán và giao thức mật mã; hệ thống quản lý khóa và hạ tầng khóa công khai; mô-đun phần cứng bảo mật và thành phần bảo mật nền tảng; các công nghệ mật mã thế hệ mới (PQC, QKD) theo định hướng phát triển dài hạn.

d) Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ tổ chức đánh giá, chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.

## 3. Bộ Tài chính

a) Chủ trì cân đối nguồn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách, đầu tư công và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ về dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Phối hợp hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm mật mã dân sự; phối hợp xây dựng cơ chế huy động và quản lý các nguồn lực tài chính xã hội hóa.

## 4. Bộ Công an

a) Nghiên cứu, xây dựng, phát triển và ứng dụng sản phẩm mật mã dân sự vào công tác bảo đảm an ninh mạng quốc gia theo quy định;

b) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ) trong việc quản lý hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo quy định tại Luật An ninh mạng 2025.

#### 5. Các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu thực tiễn của lĩnh vực quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: đề xuất các bài toán ứng dụng mật mã dân sự trong các hệ thống thông tin và dịch vụ số thuộc phạm vi quản lý; phối hợp triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm mật mã dân sự nội địa; từng bước tích hợp các giải pháp mật mã dân sự đạt chuẩn vào hệ thống thông tin quan trọng, phù hợp với yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin và quy định của pháp luật.

#### 6. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện xã hội hóa (đơn vị xã hội hóa)

Các đơn vị xã hội hóa khi tham gia nghiên cứu, phát triển ứng dụng sản phẩm mật mã dân sự có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo mật, an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu; các quy định về quản lý, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; công khai, minh bạch các hoạt động; chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

(Kèm theo Đề án tái Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)



TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai
<b>I. Hoàn thiện hành lang pháp lý, đẩy mạnh triển khai cơ chế, chính sách</b>				
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực mật mã dân sự.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
2	Nghị định quy định về hoạt động mật mã dân sự.	Bộ Quốc phòng	Bộ Tư pháp; Bộ Công an; các bộ, cơ quan liên quan	2026
3	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các Quy trình chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp; cấp chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp; tiếp nhận, công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
4	Quyết định phê duyệt danh sách các tổ chức nước ngoài được thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp.	Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan liên quan	2026 - 2030
5	Rà soát đề xuất chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển sản phẩm mật mã dân sự trong nước.	Bộ Tài chính, Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ, cơ quan ngang bộ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2027 - 2028

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai
6	Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.	Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan liên quan	2026 - 2030
7	Quy chế quản lý, khai thác hạ tầng thử nghiệm, kết quả thử nghiệm; danh mục công khai tổ chức thử nghiệm đủ điều kiện và phạm vi năng lực.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Các bộ, cơ quan liên quan	2026 - 2030
<b>II. Phát triển năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi</b>				
1	Tổ chức triển khai các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển trọng điểm: thuật toán và giao thức mật mã, hệ thống quản lý khóa và hạ tầng khóa công khai, mô-đun phần cứng bảo mật và thành phần bảo mật nền tảng, các công nghệ mật mã thế hệ mới (PQC, QKD) theo định hướng phát triển dài hạn.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ; các cơ sở đào tạo; doanh nghiệp công nghệ; các bộ, ngành	2026 - 2030
2	Thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo; tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia	2026 - 2030
3	Tham gia hoặc đề xuất Việt Nam tham gia các thỏa thuận quốc tế về thừa nhận, công nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự và trao đổi hợp tác quốc tế về mật mã dân sự.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Ngoại giao; các tổ chức quốc tế liên quan	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai
<b>III. Tổ chức, xây dựng hạ tầng thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp</b>				
1	Thúc đẩy xã hội hóa mạng lưới phòng thử nghiệm đủ năng lực thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với sản phẩm mật mã dân sự; có cơ chế liên thông và công nhận kết quả thử nghiệm.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành liên quan; các tổ chức đánh giá sự phù hợp, doanh nghiệp	2026 - 2030
2	Đầu tư, xây dựng phòng thử nghiệm dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng sản phẩm mật mã, thử nghiệm chuyên sâu, kiểm định, giám định, đối chứng kết quả; cơ sở dữ liệu tập trung về kết quả thử nghiệm phục vụ quản lý, giám sát và liên thông kết quả chứng nhận, cấp phép.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Các bộ, cơ quan liên quan	2027 - 2030
3	Xây dựng, công bố bộ tiêu chí đánh giá theo từng nhóm sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; tài liệu hướng dẫn áp dụng thống nhất; cơ chế rà soát, cập nhật định kỳ; quy trình tích hợp, liên thông kết quả thử nghiệm với hoạt động chứng nhận, cấp phép theo nguyên tắc một lần đánh giá, sử dụng cho nhiều mục đích quản lý; quy trình đánh giá, cấp chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ, các tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự	2027 - 2030
4	Xây dựng cơ chế đánh giá, kiểm định an ninh mạng, an toàn thông tin đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự trước khi tích hợp với các hệ thống thông tin để đảm bảo an ninh dữ liệu.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức liên quan	2027 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai
<b>IV. Phát triển thị trường và thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm mật mã dân sự “Make in Vietnam”</b>				
1	Thiết lập và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) ứng dụng mật mã dân sự theo ngành, lĩnh vực; công bố danh mục bài toán thực tiễn để doanh nghiệp tham gia (danh mục bài toán, nhu cầu ứng dụng; báo cáo kết quả; phương án nhân rộng).	Ban Cơ yếu Chính phủ	Các bộ, ngành; địa phương; tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thử nghiệm	2026 - 2030
2	Đẩy mạnh sử dụng sản phẩm mật mã dân sự nội địa đã được kiểm định, đánh giá đạt yêu cầu trong các hệ thống thông tin quan trọng (lộ trình bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn mật mã quốc gia do Ban Cơ yếu Chính phủ nghiên cứu, phát triển, làm chủ; tích hợp vào sản phẩm mật mã dân sự nội địa trong các hệ thống thông tin trọng yếu...).	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Tài chính; các bộ, ngành; địa phương.	2026 - 2030
3	Hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chuẩn hóa sản phẩm, hoàn thiện tài liệu kỹ thuật và xúc tiến thương mại; thúc đẩy chuyển giao công nghệ sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ban Cơ yếu Chính phủ	Thường xuyên
<b>V. Phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái</b>				
1	Xây dựng, ban hành các chương trình khung, tài liệu, giáo trình bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu về mật mã dân sự.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các bộ, cơ quan liên quan	2026 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai
2	Xây dựng mạng lưới chuyên gia, nhóm nghiên cứu liên ngành; vận hành có hiệu quả tam giác chiến lược Nhà nước - Nhà trường (Viện nghiên cứu) - Doanh nghiệp trong việc định hướng, nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát triển sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự. (Danh sách chuyên gia quốc gia về mật mã dân sự; cơ chế kết nối nghiên cứu - ứng dụng; diễn đàn chuyên môn thường niên).	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; các cơ quan, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp, cá nhân liên quan	2026 - 2030
<b>VI. Truyền thông, phổ biến chính sách và nâng cao nhận thức</b>				
1	Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông tổng thể của Đề án.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Các bộ, ngành; cơ quan truyền thông; hiệp hội doanh nghiệp	Thường xuyên
2	Xây dựng và vận hành chuyên trang thông tin điện tử chuyên đề về Đề án.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Các tổ chức, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp	2027 - 2028
3	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn phổ biến chính sách.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Các bộ, ngành; hiệp hội doanh nghiệp; cơ sở đào tạo; chuyên gia	Thường xuyên
4	Sơ kết, tổng kết Đề án.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Các bộ, ngành; tổ chức, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp	Sơ kết năm 2028; Tổng kết năm 2030